

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST

Ngày 17/4/2019

V/v Tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Hữu Vinh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Công Chi**

2/ Bà **Huỳnh Thị Lệ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bình** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tham gia phiên tòa: Ông **Võ Quang Tiến** – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 539/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2018 về “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Đức H - Sinh năm: 1978. Địa chỉ: Thôn D, xã H, huyện H, thành phố Đ, có mặt.

- **Bị đơn:** Bà Cái Thị Tường V - Sinh năm: 1972. Địa chỉ: 159 đường Đ, phường H, quận L, thành phố Đ, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Đức H trình bày ý kiến:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Cái Thị Tường V kết hôn vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau. Sau khi kết hôn vợ chồng về sinh sống tại tổ 46, phường H, quận L, TP. Đà Nẵng. Trong quá trình sinh sống đến tháng 06/2017, vợ chồng chúng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn. Vợ nhiều lần đánh bài tôi khuyên nhủ nhưng cũng không bỏ, có vài lần đã bị công an bắt quả tang và tôi phải lên bảo lãnh về. Vì thế, tôi đã nhiều lần khuyên nhủ vợ nhưng vẫn chứng nào tật nấy nên tôi đã về nhà ba mẹ sống ly thân từ tháng 06/2016 cho đến

nay. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà Cái Thị Tường V.

- Về con chung: có 01 con chung là Nguyễn Tường A - sinh ngày 09/10/2009. Ly hôn, tôi có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu con tôi muốn ở với mẹ thì tôi chấp nhận để cháu ở với mẹ và tôi sẽ cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* *Bị đơn bà **Cái Thị Tường V** trình bày ý kiến:* Tôi và ông Nguyễn Đức H kết hôn vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau. Sau khi kết hôn vợ chồng về sinh sống tại tổ 46, phường H, quận L, TP. Đà Nẵng.

Trong quá trình sinh sống, tôi cũng thấy không có mâu thuẫn gì xảy ra, cuộc sống vẫn bình thường. Vào hôm cha chồng tôi bị bệnh, tôi có về chăm sóc vài hôm ở bệnh viện. Trong thời gian này, gia đình tôi có cháu mất nên tôi và con có về Huế để đám tang, còn anh H ở lại chăm sóc ba. Trong khoảng thời gian đó, anh H có quen biết với một người con gái cùng phòng tại bệnh viện. Sau khi, ở Huế tôi thấy lạ và có hỏi ông H nhưng anh không nói và bỏ về nhà nội ở, từ đó anh nói chúng ta phải ly dị làm hai mẹ con tôi bất ngờ. Nay ông H nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án. Tôi không chấp nhận đồng ý việc ly hôn này.

- Về con chung: Vợ chồng tôi có 01 con chung là Nguyễn Tường A - Sinh ngày 09/10/2009. Nếu ly hôn, tôi có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Tôi có 6 chỉ vàng đưa cho anh H để xây phòng tại nhà nội. Trong quá trình hòa giải, tôi có yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng nay tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.

- Về nợ chung: Chúng tôi không có nợ chung.

Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án;

Về nội dung vụ án: Xét thấy về quan hệ hôn nhân mâu thuẫn của ông Nguyễn Đức H và bà Cái Thị Tường V đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật HNGĐ đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho ông Nguyễn Đức H được ly hôn với bà Cái Thị Tường V. Về con chung: Ông H và bà V thống nhất giao cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng và ông H cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng 2.000.000 đồng. Về tài sản chung: Ông H, bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung: Ông H, bà V xác định không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

1. Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức H đối với Cái Thị Tường V:

- **Quan hệ hôn nhân:** Bà V và ông H tự nguyện kết hôn vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39/quyển số 01/2008 ngày 03/6/2008. Do đó, hôn nhân của ông H bà V là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Ông H xác định vợ chồng bà có mâu thuẫn. Nguyên nhân của sự mâu thuẫn là do không hợp nhau về tính tình, quan điểm sống. Bà V nhiều lần đánh bài. Ngược lại, bà V cho rằng, vợ chồng không có mâu thuẫn. HĐXX căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình giải quyết vụ án xác định, vợ chồng ông H, bà V có mâu thuẫn và mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân của vợ chồng ông bà không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài được bởi các lẽ sau: Trước hết, bà V thừa nhận có hành vi đánh bài. Việc đánh bài này ảnh hưởng đến cuộc sống hôn nhân của ông H, bà V. Bên cạnh đó, ông H đã yêu cầu ly hôn vào tháng 8/năm 2018. Sau đó, được Tòa án hòa giải, ông H đã rút đơn khởi kiện để bà V khắc phục để duy trì cuộc hôn nhân nhưng đến nay vẫn không khắc phục được. Hiện nay, theo cung cấp tại địa phương, vợ chồng ông H bà V có mâu thuẫn và đã ly thân nhau từ năm 2016 đến nay (sự việc này có xác nhận của địa phương nơi ông H và bà V cư trú). Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần hòa giải, tạo điều kiện cho ông H vẫn kiên quyết ly hôn và bà V chỉ muốn duy trì cuộc sống hôn nhân với ông H vì mong muốn cháu A đủ cả cha lẫn mẹ. Từ những phân tích, đánh giá nói trên, HĐXX cho rằng, yêu cầu ly hôn của ông H đối với bà V là chính đáng, phù hợp với quy định Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Đức H đối với Cái Thị Tường V.

- **Quan hệ con chung:** Ông H và bà V đều xác định có một con chung tên là Nguyễn Tường A – Sinh ngày: 09/10/2009. Ông H bà V thỏa thuận giao con chung cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét thấy, việc thỏa thuận về nuôi con chung của ông H bà V là tự nguyện, không trái quy định pháp luật và đảm bảo quyền lợi của con chung nên HĐXX công nhận sự thỏa thuận của ông H, bà V.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Ông H, bà V xác định không có nên HĐXX không xem xét, giải quyết

Nếu sau này ông H, bà V có tranh chấp về vấn đề tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Đức H chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 235, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức H về việc ly hôn với Cái Thị Tường V.

Tuyên xử: Ông Nguyễn Đức H được ly hôn với bà Cái Thị Tường V.

2. Công nhận sự thỏa thuận về con chung: Bà Cái Thị Tường V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tường A – Sinh ngày: 09/10/2009. Ông Nguyễn Đức H cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng khi bản án có hiệu lực pháp luật đến cháu An đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà Cái Thị Tường V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Đức H không cấp dưỡng nuôi con như đã thỏa thuận nêu trên, thì hàng tháng phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự trên số tiền phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) ông Nguyễn Đức H phải nộp, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0005900 ngày 20.12.2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu – TP Đà Nẵng.

Ông Nguyễn Đức H phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- UBND xã Hòa Châu.
- Lưu.

Trần Hữu Vinh